

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp đòi tài sản
trong hợp đồng góp vốn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bạ;

Ông Đoàn Anh Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:*
Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp đòi tài sản trong hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Sơn T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: F khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Sơn T trình bày: Vào ngày 03/6/2020 ông Nguyễn Sơn T và ông Phạm Văn H có ký hợp đồng góp vốn số 01/HĐHTKD, các bên thỏa thuận nội dung của hợp đồng như sau:

Ông T và Ông H mỗi người góp 1.300.000.000đồng, thời hạn hợp đồng là 05 năm từ ngày 03/6/2020 đến ngày 03/6/2025, Ông T đã nộp đủ số tiền trên cho Ông H, trong trường hợp nhà đất bán được thì thời hạn có thể kết thúc sớm hơn theo sự đồng thuận của các bên, thỏa thuận phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp của các thành

viên sau khi trừ chi phí, thuế. Hai bên thỏa thuận để cho Ông H làm người đại diện đàm phán kinh doanh mua bán nhà và đất, Ông T làm người quản lý các khoản chi phí liên quan đến việc mua bán nhà đất để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận hợp tác mua bán chung diện tích đất 1.037m² thuộc thửa đất số 658, tờ bản đồ số 12, tọa lạc khu phố Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Sau khi ký hợp đồng góp vốn thì Ông H trực tiếp đứng ra mua bán nhà, đất đối với diện tích 1.037m² đất này nhưng Ông H chưa giao trả lại tiền vốn góp và tiền lợi nhuận cho Ông T. Đã nhiều lần Ông T yêu cầu Ông H nhưng Ông H chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi như hợp đồng các bên đã ký. Ngày 04/12/2020 Ông H cam kết đến ngày 04/01/2021 sẽ trả cho Ông T 1.500.000.000đồng nhưng Ông H không thực hiện, ngày 23/6/2021 Ông H tiếp tục cam kết đến ngày 01/9/2021 sẽ trả cho Ông T 1.300.000.000đồng, Ông H vẫn không thực hiện.

Do Ông H hẹn nhiều lần không trả tiền vốn góp cho Ông T nên Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông H phải trả lại cho Ông T số tiền vốn đã góp là 1.300.000.000đồng. Trong quá trình làm đơn khởi kiện và thu thập chứng cứ Ông T có yêu cầu Ông H thanh toán tiền lãi là 165.750.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ông T tự nguyện rút lại yêu cầu Ông H phải trả lãi mà chỉ yêu cầu Ông H trả tiền vốn góp là 1.300.000.000đồng. Ngoài ra Ông T không còn yêu cầu nào khác.

Theo lời khai của bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông H thống nhất trình bày của Ông T hai bên có ký kết hợp đồng góp vốn để kinh doanh bất động sản cùng nhau là đúng, thống nhất số tiền Ông T góp vốn vào 1.300.000.000đồng, Ông H xác định hiện chưa trả lại số tiền 1.300.000.000đồng cho Ông H như Ông H trình bày là đúng.

Tuy nhiên Ông H cho rằng nguyên nhân Ông H chưa thanh toán lại tiền cho Ông T vì lý do như sau: Phần đất diện tích 1.037m² thuộc thửa đất số 658, tờ bản đồ số 12, tọa lạc khu phố Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là đất của Ông H, hai bên xác định giá trị phần đất này là 2.600.000.000đồng nên Ông T có giao cho Ông H ½ giá trị đất là 1.300.000.000đồng. Sau khi hai bên tiến hành hợp tác mục đích là xây dựng nhà liên kế, sở hữu chung để bán kiếm lời, thực hiện điều này Ông H mới nhờ người quen là ông Nguyễn Đình Khánh để xin giấy phép xây dựng nhà liên kế bán, Ông H đã đăng ký biến động (chuyển nhượng) sang cho ông Khánh để ông Khánh xin giấy phép xây dựng cho thuận tiện, việc này cũng có sự đồng ý của Ông T, cuối cùng ông Khánh không xin được giấy phép xây dựng với mục đích trên nên các bên bắt đầu mâu thuẫn. Do làm ăn không thuận lợi nên Ông T chuyển sang đòi đất, nhiều lần còn hăm dọa đòi đánh Ông H.

Do Ông H có nhận tiền của Ông T, nay Ông T không muốn hợp tác nữa và yêu cầu đòi lại thì Ông H có trách nhiệm trả lại cho Ông T nhưng hiện nay Ông H đang bị Công an tỉnh Bình Dương bắt giam nên không thể thanh toán ngay cho Ông T được. Ông H xác định Ông H còn nợ Ông T 1.300.000.000đồng là đúng, Ông H đồng ý trả lại số tiền 1.300.000.000đồng và tiền lãi cho Ông T.

Do Ông H đang bị tạm giam nên Ông H có yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả trình tụng tại phiên tòa và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi mà nguyên đơn đã rút và chấp nhận phần yêu cầu về việc buộc Ông H trả lại tiền vốn góp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

a. Về tố tụng:

[1] Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, xét thấy việc bị đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu về tiền lãi với số tiền là 165.750.000đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

b. Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại số tiền góp vốn kinh doanh là 1.300.000.000đồng, bị đơn thừa nhận có nhận số tiền góp vốn của nguyên đơn là 1.300.000.000đồng và hiện nay vẫn chưa trả lại cho nguyên đơn, bị đơn đồng ý thanh toán số tiền này và tiền lãi cho nguyên đơn.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Theo đó, bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn 1.300.000.000đồng và hiện nay chưa thanh toán cho nguyên đơn và đồng ý thanh toán nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 1.300.000.000đồng cho nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 166, 506, 507, 509, 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Sơn T về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H trả lại số tiền 1.300.000.000đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Sơn T về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H thanh toán số tiền lãi là 165.750.000đồng.

3. Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho ông Nguyễn Sơn T số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn H phải chịu 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Sơn T số tiền 27.987.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002309 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiệu Văn Kết Em